

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN**

Bản án số: 76/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 25/7/2023

V/v “*Tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Kim Quyên

2. Bà Phạm Ngọc Mai

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hương – Thư ký TAND huyện C.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 200/2023/TLST – HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị [Võ Thị Thúy L](#), sinh năm: 1987.

Địa chỉ: [Khu phố D, Phường E, thị xã G, tỉnh Tiền Giang](#).

- *Bị đơn:* Anh [Trần Trọng T](#), sinh năm 1984.

Địa chỉ: [Ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Long An](#).

(Chị [L](#) có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. anh [T](#) vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/4/2023 và tại Bản tự khai ngày 09/6/2023 nguyên đơn chị [Võ Thị Thúy L](#) trình bày như sau: Chị và anh [Trần Trọng T](#) cưới nhau năm 2009, hôn nhân do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại [Ủy ban nhân dân xã T](#), theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 87/2009, quyển số 01, cấp ngày 29/9/2009. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian, đến khoảng năm 2012 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị [L](#) trình bày là do anh [T](#) không quan tâm, lo lắng, chăm sóc cho vợ con mà thường xuyên ăn chơi. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay, năm 2019 chị [L](#) có nộp đơn khởi kiện ly hôn tại Tòa án nhưng sau đó rút đơn để vợ chồng có thêm cơ hội hàn gắn nhưng không được. Nay xét thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh [T](#), nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh [T](#).

Về con chung: Giữa chị L và anh T có 02 người con chung tên Trần Quỳnh A, sinh ngày 31/10/2010 và Trần Quốc D, sinh ngày 28/6/2012, hiện cả 02 con chung đang do chị L nuôi dưỡng. Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung: Không có.

Chị L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Bị đơn anh Trần Trọng T đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho anh T biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, nhưng không có ý kiến gì và vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Võ Thị Thúy L và anh Trần Trọng T có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân xã T, huyện C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 87/2009, quyền số 01, cấp ngày 29/9/2009 nên hôn nhân là hợp pháp.

[1.2] Anh Trần Trọng T là bị đơn, hiện nay có hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện C nên khi chị L có đơn khởi kiện ly hôn, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[1.3] Chị Võ Thị Thúy L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt anh T1.

[1.4] Bị đơn anh Trần Trọng T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 207, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp: Chị L và anh T chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị L trình bày là do vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, dù đây chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong đời sống vợ chồng nhưng cả chị L và anh T đều không tìm được biện pháp để khắc phục dẫn đến vợ chồng ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng vẫn không đến tham gia phiên hòa giải cũng như phiên tòa từ đó cho thấy anh T cũng không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm với chị L. Do đó, có đủ căn cứ để chứng minh mâu thuẫn giữa chị L và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng Điều 56

Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị [Võ Thi Thúy L](#) được ly hôn với anh [Trần Trọng T](#).

[3] Về nuôi con chung và cấp dưỡng: Giữa chị [L](#) và anh [T](#) có 02 người con chung tên [Trần Quỳnh A](#), sinh ngày 31/10/2010 và [Trần Quốc D](#), sinh ngày 28/6/2012, hiện cả 02 con chung đang do chị [L](#) nuôi dưỡng Xét thấy hiện tại cháu [A](#) và cháu [D](#) đang sống với chị [L](#) đã ổn định và có nguyện vọng muốn được tiếp tục sống với mẹ, chị [L](#) yêu cầu tiếp tục được nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị [L](#) về việc yêu cầu nuôi cháu [A](#) và cháu [D](#). Anh [T](#) được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc thăm nom chăm sóc con được thực hiện theo điều 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”, nhưng chị [L](#) không yêu cầu anh [T](#) cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về chia tài sản chung: Chị [L](#) không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung chị [L](#) trình bày không có nên không xét.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị [Võ Thi Thúy L](#) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình để sung công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 36, 39, 147 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn chị [Võ Thi Thúy L](#) và anh [Trần Trọng T](#).

Về hôn nhân: Chị [Võ Thi Thúy L](#) được ly hôn với anh [Trần Trọng T](#).

Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị [Võ Thi Thúy L](#) được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi 02 con chung tên [Trần Quỳnh A](#), sinh ngày 31/10/2010 và [Trần Quốc D](#), sinh ngày 28/6/2012. Anh [Trần Trọng T](#) không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì theo yêu

cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 84, Điều 85, Điều 86 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

Về án phí: Chị [Võ Thị Thúy L](#) phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Được trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 00005345 ngày 24/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, chị [L](#) đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Toà án niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Phương Trúc